

Số: 02/2021/QĐST-HNGĐ

Ngày: 14 - 01 - 2021.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,
thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Chủ tọa phiên họp:* Ông Mạc Minh Quang - Thẩm phán
- *Thư ký phiên họp:* Ông Bùi Ngọc Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
- *Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:* Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 254/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2021, giữa:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh **Vũ Văn D** - sinh năm 1984, Địa chỉ: Thôn T L, xã N Q, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Đỗ Thị Ng** - sinh năm 1986, Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn T L, xã N Q, huyện T M, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

** Người được chị Nguyễn ủy quyền giao nhận văn bản:* Chị **Đỗ Thị N** - sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn C, xã L X, huyện B G, tỉnh Hải Dương.

Anh D, chị Ng và chị N đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn xin ly hôn của anh Vũ Văn D, chị Đỗ Thị Ng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn D và chị Đỗ Thị Ng tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N Q, huyện T M, tỉnh Hải Dương ngày 06/9/2007 và được hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Đến năm 2019, sau khi chị Ng đi lao động tại Hàn Quốc một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, mỗi người sống một nơi, dẫn đến nghi ngờ sự chung thủy và không còn

quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh D, chị Ng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thế Đ, sinh ngày 28/8/2008 và Vũ Hoài A, sinh ngày 21/11/2016, hiện đang ở với anh D. Hai bên đều thống nhất thỏa thuận giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị Ng cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.000.000đ/1 tháng (02 con là 4.000.000đ/1 tháng) cho anh D nuôi con, kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản, vay nợ: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, chị Đỗ Thị N nhất trí nhận sự ủy quyền giao nhận văn bản của chị Ng. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị Ng và cho biết chị Ng vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh D, thỏa thuận để anh D trực tiếp nuôi 02 con chung và có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.000.000đ/1 tháng cho anh D nuôi con kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị N nhất trí nộp lệ phí dân sự về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung thay cho chị Ng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn D và chị Đỗ Thị Ng. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị Ng cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.000.000đ/1 tháng cho anh D nuôi con, kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn D chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm; chị Ng phải chịu 300.000đ lệ phí dân sự về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chị N nộp thay).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Văn D và chị Đỗ Thị Ng đều có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Chị Ng có hộ khẩu thường trú tại thôn T L, xã N Q, huyện T M, tỉnh Hải Dương, hiện đang ở nước ngoài nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn và giấy ủy quyền của chị Đỗ Thị Ng đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Do vậy có căn cứ công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Anh D, chị Ng và chị N đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn D và chị Đỗ Thị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N Q, huyện T M, tỉnh Hải Dương ngày 06/9/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh chị tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2019. Sau khi chị Ng đi lao động tại Hàn Quốc một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, mỗi người sống một nơi, nghi ngờ sự chung thủy và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không tìm biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn nín kéo cuộc sống chung, thực tế chị Ng hiện đang lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về nước. Hai bên đều làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để sớm ổn định cuộc sống riêng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Thế Đ, sinh ngày 28/8/2008 và Vũ Hoài A, sinh ngày 21/11/2016. Hai bên đều thống nhất thỏa thuận giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị Ng cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.000.000đ/1 tháng cho anh D nuôi con, kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Xét hai con hiện đang do anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo về mọi mặt, việc thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận của các bên giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị Ng cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi con là 2.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Anh D, chị Ng đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Anh Vũ Văn D tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên Tòa án chấp nhận. Chị Ng phải chịu 300.000đ lệ phí dân sự về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chấp nhận chị N nộp lệ phí thay cho chị Ng.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn D và chị Đỗ Thị Ng.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giao anh Vũ Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con chung Vũ Thế Đ, sinh ngày

28/8/2008 và Vũ Hoài A, sinh ngày 21/11/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chị Đỗ Thị Ng cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.000.000đ/1 tháng (02 con là 4.000.000đ/1 tháng) cho anh D nuôi con, kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày anh D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, chị Ng còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh Vũ Văn D tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0004824 ngày 15/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Anh D đã nộp đủ lệ phí ly hôn).

Chị Đỗ Thị Ng phải chịu 300.000đ lệ phí dân sự về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. (*Chị Đỗ Thị N nộp thay chị Ng*)

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành bản án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã N Q, huyện T M, tỉnh HD;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Mạc Minh Quang